

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 90

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và hai mươi tám (28) GCNĐKKD điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi tám (28) vào ngày 17 tháng 6 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh trồng cây ăn quả, dịch vụ trồng trọt, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có tám (8) công ty con trực tiếp, ba mươi một (31) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tập đoàn là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; khai khoáng; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60752790/18591868/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 90 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập với giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả là 26.683.869.725 ngàn VND, trong đó 12.343.315.244 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2016; đồng thời Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 25.1, 25.3, 25.4 và 25.7 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Tập đoàn đang trình bày khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn trị giá 5.787.855.696 ngàn VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như đã phát sinh khoản lỗ thuần trị giá 1.191.229.554 ngàn VND trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên. Nếu việc tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên không được thực hiện, những vấn đề đã đề cập cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 35 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn với trị giá lần lượt là 771.976.718 ngàn VND và 5.197.859.094 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.927.800.705	13.215.916.673
110	I. Tiền	5	1.424.306.671	967.966.695
111	1. Tiền		1.424.306.671	967.966.695
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.881.872.906	8.469.868.136
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.110.234.012	1.607.110.089
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.174.859.091	1.661.082.955
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.665.947.762	3.699.988.122
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.038.353.391	1.511.776.819
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(107.521.350)	(10.089.849)
140	III. Hàng tồn kho	10	2.572.564.140	3.646.452.010
141	1. Hàng tồn kho		2.576.287.385	3.651.634.817
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.723.245)	(5.182.807)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		49.056.988	131.629.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		12.092.851	13.427.321
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		34.830.388	33.767.746
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.133.749	2.238.777
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	82.195.988
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		39.177.879.311	36.012.472.005
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.797.149.188	6.141.903.570
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	6.638.523.612	6.062.008.291
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	158.625.576	79.895.279
220	II. Tài sản cố định		8.031.000.711	7.546.496.433
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.676.498.769	6.176.778.419
222	Nguyên giá		7.831.695.074	7.116.522.216
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.155.196.305)	(939.743.797)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.354.501.942	1.369.718.014
228	Nguyên giá		1.405.334.952	1.405.334.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(50.833.010)	(35.616.938)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	3.125.971.168	81.725.494
231	1. Nguyên giá		3.151.029.944	84.074.852
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(25.058.776)	(2.349.358)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		19.212.290.226	20.200.122.039
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	19.212.290.226	20.200.122.039
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		305.474.482	328.257.789
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết	16	254.152.580	252.299.640
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	17	51.301.902	75.938.149
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.705.993.536	1.713.966.680
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	1.169.952.980	1.156.515.098
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	100.725.798	82.941.387
269	3. Lợi thế thương mại	19	435.314.758	474.510.195
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		51.105.680.016	49.228.388.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32.995.714.636	32.962.668.396
310	I. Nợ ngắn hạn		17.715.656.401	13.212.975.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	1.147.768.425	1.123.648.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	2.014.033.527	1.438.433.801
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	281.558.165	275.400.876
314	4. Phải trả người lao động		56.328.568	46.519.890
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	1.144.683.846	809.388.331
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	24	724.220.462	1.217.547.588
320	7. Vay ngắn hạn	25	12.343.315.244	8.297.755.147
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.748.164	4.282.181
330	II. Nợ dài hạn		15.280.058.235	19.749.692.496
337	1. Phải trả dài hạn khác	24	412.397.095	546.724.865
338	2. Vay dài hạn	25	14.340.554.481	18.801.459.914
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	520.736.886	395.127.749
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		6.369.773	6.379.968
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.109.965.380	16.265.720.282
410	I. Vốn chủ sở hữu		18.109.965.380	16.265.720.282
411	1. Vốn cổ phần	26.1	7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	26.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.1	577.106.717	555.077.253
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	26.1	279.895.303	279.895.303
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	1.864.222.753	2.023.903.249
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.726.316.939	1.570.546.874
421b	- (Lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(862.094.186)	453.356.375
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	3.950.668.993	1.968.772.863
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		51.105.680.016	49.228.388.678



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	3.658.541.917	3.035.743.249
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(896.894)	(35.528)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	3.657.645.023	3.035.707.721
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(3.078.998.635)	(1.821.128.461)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		578.646.388	1.214.579.260
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	570.704.549	530.465.099
22	7. Chi phí tài chính	31	(888.408.790)	(496.034.286)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(797.477.384)	(459.315.033)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(10.703.169)	-
25	9. Chi phí bán hàng	32	(90.865.563)	(36.474.940)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(365.982.471)	(164.990.423)
30	11. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(206.609.056)	1.047.544.710
31	12. Thu nhập khác	33	6.125.830	162.361.518
32	13. Chi phí khác	33	(917.976.727)	(169.031.805)
40	14. Lỗ khác	33	(911.850.897)	(6.670.287)
50	15. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.118.459.953)	1.040.874.423
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(17.715.407)	(147.069.255)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	(55.054.194)	19.252.556
60	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.191.229.554)	913.057.724
61	19. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(862.094.186)	831.441.106
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(329.135.368)	81.616.618
70	21. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	28	(1.091)	1.030
71	22. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	28	(1.091)	1.000


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016


Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.118.459.953)	1.040.874.423
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		313.554.393	158.665.817
03	Các khoản dự phòng		95.961.744	42.055
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		11.758.586	(8.176.720)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(174.605.724)	(681.432.926)
06	Chi phí lãi vay	31	797.477.384	459.315.033
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(74.313.570)	969.287.682
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		351.763.030	(534.155.980)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		725.009.432	(1.465.358.187)
11	Tăng các khoản phải trả		532.591.279	2.570.751.232
12	Giảm chi phí trả trước		12.540.237	146.185.268
14	Tiền lãi vay đã trả		(504.488.907)	(373.838.116)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.2	(14.394.165)	(70.873.778)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(534.017)	(10.102.086)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.028.173.319	1.231.896.035
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(2.045.095.199)	(3.213.773.420)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		1.024.037.135	392.646.055
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(1.300.219.309)	(2.707.757.332)
24	Tiền thu hồi cho vay		884.882.568	1.465.821.754
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(1.045.610.446)	(900.813.110)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		280.105.078	203.799.000
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		733.827.044	122.414.473
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.468.073.129)	(4.637.662.580)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	27	2.792.000.000	159.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát		-	(2.200.000)
33	Tiền thu từ đi vay		3.225.912.446	5.691.723.460
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.121.672.660)	(1.954.017.948)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		896.239.786	3.894.505.512
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		456.339.976	488.738.967
60	Tiền đầu kỳ		967.966.695	978.413.817
70	Tiền cuối kỳ	5	1.424.306.671	1.467.152.784


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và hai mươi tám (28) GCNĐKKD điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi tám (28) vào ngày 17 tháng 6 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh trồng cây ăn quả, dịch vụ trồng trọt, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có tám (8) công ty con trực tiếp, ba mươi một (31) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar ("HA Myanmar")	Tp. Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	Tp. Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
Lĩnh vực thủy điện			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("DHA")	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	95,58
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu ("NK2")	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	95,58
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 ("NK3")	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	95,58
Lĩnh vực nông nghiệp			
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (ii)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,95
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,95
(9) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,94
(10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	74,94
(11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	73,28
(12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	73,28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(13) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	74,60
(14) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	74,54
(15) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	74,95
(16) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	73,28
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(18) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(19) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(20) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(21) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,20
(22) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	53,55
(23) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	53,55
(24) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,73
(25) Công ty TNHH Daun Pênh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,73
(26) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	74,95
(27) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	74,95
(28) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(29) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(30) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	74,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực khai khoáng			
(31) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	95,58
(32) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	95,58
(33) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	95,58
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(34) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,48
(35) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(36) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(37) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(38) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(39) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	94,50
(i)	Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.		
(ii)	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.		

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tập đoàn là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng và kinh doanh thủy điện; cơ khí; khai khoáng; sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh kho bãi, sơ chế nông phẩm và dịch vụ nông nghiệp; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 4.238 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.198).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả là 26.683.869.725 ngàn VND, trong đó 12.343.315.244 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2016; đồng thời Tập đoàn đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 25.1, 25.3, 25.4 và 25.7 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Tập đoàn đang trình bày khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn trị giá 5.787.855.696 ngàn VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như đã phát sinh khoản lỗ thuần trị giá 1.191.229.554 ngàn VND trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Ban Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng quá trình tái cơ cấu nợ sẽ tiến triển thuận lợi và vì vậy vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.12*). Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp giá mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	8 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 70 năm
Phần mềm máy tính	8 năm
Tài sản khác	5 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su là 7 năm và cây cọ dầu là 4,5 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Tập đoàn bắt đầu chuyển vườn cây cao su và cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

<i>Năm khai thác</i>	<i>Tỷ lệ khấu hao (%)</i>
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	50 năm
Trung tâm Thương mại	70 năm
Văn phòng cho thuê	70 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây, công trình thủy điện của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ này.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu và vườn tiêu như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

Chi phí dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar

Bao gồm chi phí xây dựng và vận hành dự án Khu Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar tại số 192, Đường Kaba Aye Pagoda, Thị trấn Bahan, Thành phố Yangon, Myanmar, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Thành lập số 248DC/2012-2013 ngày 6 tháng 12 năm 2012 cấp bởi Bộ Phát triển Kinh tế và Kế hoạch Quốc gia Myanmar. Đây là dự án xây dựng và vận hành khu khách sạn, trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng và căn hộ cho thuê trị giá 440 triệu USD tại Myanmar (73.358 m²). Việc đầu tư vào dự án này được cấp phép bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 586/BKHĐT-ĐTRNN ngày 21 tháng 2 năm 2013. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, một số hạng mục của dự án bao gồm khu Trung tâm Thương mại và khu Văn phòng thuộc giai đoạn 1 đã đi vào hoạt động chính thức.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn mía, chi phí vườn bắp, chi phí trồng cỏ, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, chi phí vườn bắp và chi phí trồng cỏ bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí mía giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây mía (5 năm). Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn mía được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí phát triển cầu thủ bao gồm các chi phí liên quan đến việc đào tạo và phát triển các cầu thủ thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG ("HAGL - JMG"). Chi phí phát triển cầu thủ được phân bổ trong vòng từ 7 đến 10 năm căn cứ theo thời hạn hợp đồng đã ký kết giữa HAGL - JMG với các cầu thủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cân trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng tỷ theo giá mua và bán vào bình quân của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân kỳ.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.20 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.21 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Vào thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.24 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.25 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

4.1 Mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, HNG đã mua 100% vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("CSDD") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao su Cường Thịnh theo các Hợp đồng chuyển nhượng có liên quan với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 880 tỷ VND và 770 tỷ VND. Theo đó, CSDD đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này.

CSDD là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0311181334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011. Công ty có trụ sở chính tại số 11D Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày mua, CSDD hiện có các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Hoạt động kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
(1) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	27 tháng 6 năm 2014	100%
(2) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	8 tháng 8 năm 2011	100%
(3) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	14 tháng 10 năm 2011	100%
(4) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	17 tháng 1 năm 2013	100%

Hoạt động kinh doanh chính của CSDD và các công ty con ("Nhóm CSDD") trong kỳ hiện tại là trồng và chăm sóc 9.944,7 ha vườn cao su tại các tỉnh thuộc Vương Quốc Campuchia.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua. Theo đó, Tập đoàn tạm thời hợp nhất các công ty này theo giá trị hợp lý tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN (tiếp theo)

4.1 Mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con (tiếp theo)

Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Nhóm CSDD tại ngày mua được trình bày dưới đây:

Ngàn VND
Giá trị hợp lý được
xác định tạm thời ghi
nhận tại ngày mua

Tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền	684.785.662
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	276.612.284
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	32.460.055
Tài sản cố định hữu hình	2.839.163
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.891.695.539

Nợ phải trả

Các khoản phải trả	(203.027.005)
Vay ngắn hạn	(488.455.486)
Vay dài hạn	(504.688.437)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(52.770.532)

Tổng tài sản thuần

1.639.451.243

Cổ đông không kiểm soát	2.179.155
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	8.369.602

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh

1.650.000.000

4.2 Nghiệp vụ phát hành mới cổ phiếu và thanh lý một phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai trong kỳ

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG"), công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông không kiểm soát với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 06/10/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 6 tháng 10 năm 2015 và các Nghị Quyết Hội đồng Quản trị có liên quan. Việc phát hành thêm cổ phần này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 85,95% xuống còn 79,34% tại ngày này.

Trong tháng 3 năm 2016, Tập đoàn đã bán 22.648.360 cổ phiếu của HNG theo đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG từ 79,34% xuống còn 75,61% tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

4.3 Phát hành thêm cổ phiếu mới của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh

Vào ngày 3 tháng 5 năm 2016, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN"), công ty con trong Tập đoàn, đã thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ với tổng số lượng cổ phần chào bán là 56.000.000 cổ phần cho nhà đầu tư theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 27/NQĐHĐCĐ.16. Nghiệp vụ này đã hoàn tất vào ngày 11 tháng 5 năm 2016 với 56.000.000 cổ phần được phát hành cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải.

Việc phát hành thêm cổ phần này đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HAN từ 85,75% xuống còn 68,90% tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.406.517.421	801.473.847
Tiền mặt tại quỹ	17.756.730	54.242.848
Tiền đang chuyển	32.520	112.250.000
TỔNG CỘNG	1.424.306.671	967.966.695

(*) Tập đoàn đã thế chấp 47.989.463 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn (Thuyết minh số 25) (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 29.850.088 ngàn VND).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	886.868.264	341.776.177
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	860.864.149	850.175.129
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay Attapeu và Nong Khang</i>	728.260.658	730.579.743
<i>Phải thu từ các khách hàng khác</i>	132.603.491	119.595.386
Phải thu về thanh lý các khoản đầu tư	310.144.241	309.841.300
Phải thu tiền bán căn hộ	22.706.332	28.768.815
Phải thu về thanh lý TSCĐ và bất động sản đầu tư	29.651.026	76.548.668
TỔNG CỘNG	2.110.234.012	1.607.110.089
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(107.521.350)	(10.089.849)
GIÁ TRỊ THUẬN	2.002.712.662	1.597.020.240
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	1.590.525.813	1.324.091.905
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	519.708.199	283.018.184

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	10.089.849	5.300.196
Dự phòng trích lập trong kỳ	97.431.501	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(37.512)
Số cuối kỳ	107.521.350	5.262.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	837.192.622	755.208.152
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	333.543.814	585.491.717
Trong đó:		
<i>HongKong Tongqing International Trading Limited Company</i>	-	244.247.966
<i>Trả trước cho các nhà thầu khác</i>	333.543.814	341.243.751
Trả trước cho thầu phụ cho các dự án sân bay	4.122.655	320.383.086
TỔNG CỘNG	<u>1.174.859.091</u>	<u>1.661.082.955</u>
Trong đó:		
<i>Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	614.502.488	489.232.072
<i>Trả trước các bên khác</i>	560.356.603	1.171.850.883

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (<i>Thuyết minh số 35</i>)	3.532.062.654	3.581.551.780
Trong đó:		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú")</i>	(i) 2.760.085.936	2.860.085.936
<i>Nhân viên Tập đoàn</i>	(ii) 92.867.100	109.024.937
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty</i>	(iii) 663.896	31.098.296
<i>Bên liên quan khác</i>	(iv) 678.445.722	581.342.611
Cho vay ngắn hạn các bên khác	(iv) 133.885.108	118.436.342
	<u>3.665.947.762</u>	<u>3.699.988.122</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (<i>Thuyết minh số 35</i>)	5.197.859.094	5.050.459.374
Trong đó:		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú")</i>	(i) 1.842.183.905	1.471.708.240
<i>Nhân viên Tập đoàn</i>	(ii) 294.936.000	294.936.000
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty</i>	(iii) 697.320.000	697.320.000
<i>Bên liên quan khác</i>	(iv) 2.363.419.189	2.586.495.134
Cho vay dài hạn các bên khác	(iv) 1.274.031.009	843.568.572
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu	(v) 166.633.509	167.980.345
	<u>6.638.523.612</u>	<u>6.062.008.291</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.304.471.374</u>	<u>9.761.996.413</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(i) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi tiết các khoản cho vay An Phú được trình bày như sau:

Khoản cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Hạn mức	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	Ngàn VND	Ngàn VND				
Khoản cho vay 1	2.760.085.936	3.600.000.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2016	12,5%	Hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tài cấu trúc của Tập đoàn	Toàn bộ tài sản, cổ phần, vốn góp, cổ tức, lợi ích và các tài sản khác tại Công ty của Ông Đoàn Nguyễn Đức, Chủ tịch HĐQT Công ty; cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú; và quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú
Khoản cho vay 2	641.100.000	650.000.000	Ngày 17 tháng 7 năm 2017	12,5%	Hỗ trợ tài chính	Không
Khoản cho vay 3	280.000.000	300.000.000	Ngày 8 tháng 8 năm 2017	12%	Hỗ trợ tài chính	Không
Khoản cho vay 4	621.083.905	700.000.000	Ngày 8 tháng 9 năm 2018	Không	Hỗ trợ tài chính	Không
Khoản cho vay 5	300.000.000	300.000.000	Ngày 27 tháng 5 năm 2018	11,5%	Hỗ trợ tài chính	Không

Tổng cộng **4.602.269.841**

Phát sinh trong kỳ của khoản phải thu về cho vay và lãi vay từ An Phú tương ứng được chi tiết như sau:

	Nợ gốc cho vay	Cho mượn	Lãi cho vay (Thuyết minh số 9)	Ngàn VND
Số đầu kỳ	4.231.794.176	100.000.000	596.353.404	4.928.147.580
Tăng trong kỳ	388.635.665	20.000	235.271.889	623.927.554
Trả trong kỳ	(18.160.000)	(100.020.000)	(539.980.000)	(658.160.000)
Số cuối kỳ	4.602.269.841	-	291.645.293	4.893.915.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho nhân viên có thời hạn hoàn trả từ ba đến ba mươi sáu tháng tính từ ngày giải ngân, có lãi suất theo lãi suất thị trường và được rà soát, điều chỉnh sáu tháng một lần.
- (iii) Đây là số tiền cho Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty vay theo hợp đồng số 01/10/15HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015 hoàn trả trong vòng ba năm và có lãi suất là trong kỳ là 10%/năm (2015: 10%/năm).
- (iv) Đây là các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 7 năm 2020 với lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm.
- (v) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ (USD)	7.482.421	21.900.188
Tăng trong kỳ	-	2.000.000
Số cuối kỳ (USD)	7.482.421	23.900.188
Số cuối kỳ (Ngàn VND)	166.633.509	520.546.095

9. PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Lãi cho vay các công ty (i)	689.282.318	896.888.290
Tạm ứng cho nhân viên	101.071.150	216.180.954
Lãi cho vay nhân viên	24.320.203	24.799.150
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	11.408.669	1.144.114
Phải thu ngắn hạn khác	212.271.051	372.764.311
	1.038.353.391	1.511.776.819
Dài hạn		
Lãi cho vay các công ty (i)	78.814.138	23.349.092
Các khoản ký quỹ dài hạn	42.566.114	18.174.130
Phải thu dài hạn khác	37.245.324	38.372.057
	158.625.576	79.895.279
TỔNG CỘNG	1.196.978.967	1.591.672.098
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	714.228.625	991.000.699
Phải thu các bên khác	482.750.342	600.671.399

- (i) Số dư này chủ yếu bao gồm khoản phải thu lãi cho vay An Phú được trình bày trong Thuyết minh số 8, với số dư vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 291.645.293 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí các căn hộ xây để bán (i)	168.094.697	644.705.652
Thành phẩm	54.146.183	38.557.275
Hàng hóa	8.066.666	10.267.024
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.776.391.074	2.428.332.779
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí nuôi bò thịt (ii)</i>	784.667.169	1.389.087.259
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	665.304.814	521.785.649
<i>Hoạt động sản xuất</i>	325.417.614	516.598.857
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	1.001.477	861.014
Nguyên vật liệu	526.832.727	470.738.184
Vật liệu xây dựng	20.095.138	41.367.158
Công cụ dụng cụ	15.501.510	17.666.745
Hàng đang đi đường	7.159.390	-
TỔNG CỘNG	2.576.287.385	3.651.634.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.723.245)	(5.182.807)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.572.564.140	3.646.452.010

(i) Trong giá trị các căn hộ để bán, dự án Bàu Thạc Giản của Công ty trị giá 46.418.518 ngàn VND và chung cư HAGL-BIDV thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk trị giá 99.519.540 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 25).

(ii) Chi phí nuôi bò thịt trị giá 784.667.169 ngàn VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 25).

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.027.845.679	1.721.098.732	1.253.985.172	8.472.187	2.045.893.942	59.226.504	7.116.522.216
Tăng trong kỳ	206.874.849	32.248.051	374.767.950	(7.319)	456.088.182	1.867.181	1.071.838.894
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	200.749.785	5.393.660	354.591.479	-	159.591.605	-	720.326.529
Mua trong kỳ	2.270.931	25.277.690	14.368.498	-	310.292.705	1.816.081	354.025.905
Tăng từ mua công ty con	-	954.545	2.702.950	-	-	-	3.657.495
Chênh lệch tỷ giá	3.854.133	622.156	3.105.023	(7.319)	(13.796.128)	51.100	(6.171.035)
Giảm trong kỳ	(411.438)	(50.351.692)	(17.622.720)	(581.831)	(287.594.535)	(103.820)	(356.666.036)
Thanh lý	-	(7.859.197)	(9.760.440)	(581.831)	(287.594.535)	(103.820)	(305.899.823)
Thanh lý công ty con	(411.438)	(42.492.495)	(7.862.280)	-	-	-	(50.766.213)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.234.309.090	1.702.995.091	1.611.130.402	7.883.037	2.214.387.589	60.989.865	7.831.695.074
Giá trị hao mòn lũy kế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(252.300.871)	(346.413.427)	(217.479.551)	(5.016.403)	(102.967.326)	(15.566.219)	(939.743.797)
Khấu hao trong kỳ	(58.438.147)	(69.469.764)	(61.424.750)	(470.216)	(70.516.090)	(2.930.475)	(263.249.442)
Tăng từ mua công ty con	-	(204.546)	(613.786)	-	-	-	(818.332)
Giảm trong kỳ	51.434	35.431.924	7.307.431	562.268	8.889.441	(3.627.232)	48.615.266
Thanh lý	-	3.836.416	3.467.115	567.333	9.194.804	-	17.065.668
Thanh lý công ty con	342.863	32.076.962	4.737.551	-	-	105.733	37.263.109
Chênh lệch tỷ giá	(291.429)	(481.454)	(897.235)	(5.065)	(305.363)	(3.732.965)	(5.713.511)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(310.687.584)	(380.655.813)	(272.210.656)	(4.924.351)	(164.593.975)	(22.123.926)	(1.155.196.305)
Giá trị còn lại							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.775.544.808	1.374.685.305	1.036.505.621	3.455.784	1.942.926.616	43.660.285	6.176.778.419
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.923.621.506	1.322.339.278	1.338.919.746	2.958.686	2.049.793.614	38.865.939	6.676.498.769
Trong đó:							
Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 25)	1.923.621.506	1.322.339.278	1.338.919.746	2.958.686	2.049.793.614	38.865.939	6.676.498.769
Đã khấu hao hết	5.370.475	15.354.643	13.432.376	1.542.062	-	791.998	36.491.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.271.049.771</u>	<u>134.285.181</u>	<u>1.405.334.952</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(417.086)	(35.199.852)	(35.616.938)
Hao mòn trong kỳ	<u>(6.663.457)</u>	<u>(8.552.615)</u>	<u>(15.216.072)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(7.080.543)</u>	<u>(43.752.467)</u>	<u>(50.833.010)</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>1.270.632.685</u>	<u>99.085.329</u>	<u>1.369.718.014</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.263.969.228</u>	<u>90.532.714</u>	<u>1.354.501.942</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 25)</i>	1.263.969.228	-	1.263.969.228
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	294.964	294.964

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất trả trước của dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar trị giá 1.211.604.074 ngàn VND.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Văn phòng cho thuê	Trung tâm thương mại	Ngân VND
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	64.477.600	19.597.252	-	-	84.074.852
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (*) Thanh lý trong kỳ	(64.477.600)	-	2.224.090.456	907.342.236	3.131.432.692 (64.477.600)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	19.597.252	2.224.090.456	907.342.236	3.151.029.944
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(2.349.358)	-	-	(2.349.358)
Khấu hao trong kỳ	-	(342.042)	(15.886.360)	(6.481.016)	(22.709.418)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	(2.691.400)	(15.886.360)	(6.481.016)	(25.058.776)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	64.477.600	17.247.894	-	-	81.725.494
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	16.905.852	2.208.204.096	900.861.220	3.125.971.168

Trong đó:

Thế chấp/ cầm cố để đảm bảo các
khoản vay (Thuyết minh số 25)

(*) Khoản này thể hiện giá trị khu văn phòng cho thuê và khu trung tâm thương mại thuộc dự án Khu Phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar - Giai đoạn 1 đã hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	174.169.808	9.141.511
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	103.045.504	4.090.394

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức và ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê và giá trị thị trường của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí phát triển vườn cây cao su và cọ dầu	(i), (ii)	12.969.954.398	10.790.720.962
Nhà máy thủy điện	(i)	3.449.148.114	3.305.411.052
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	(i)	1.494.633.579	4.283.670.334
Nhà xưởng và nhà máy nông trường	(i)	808.529.207	589.682.433
Vườn tiêu	(i)	107.169.967	83.114.339
Dự án bò thịt	(i)	70.126.978	239.012.337
Văn phòng cho thuê		56.040.000	793.334.270
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	(i)	33.120.822	47.140.970
Các công trình khác	(i)	223.567.161	68.035.342
TỔNG CỘNG		19.212.290.226	20.200.122.039

(i) Vườn cây cao su, cây cọ dầu, Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar, nhà máy thủy điện, vườn tiêu, chi phí dự án bò và các công trình khác đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh số 25).

(ii) Giá trị vườn cây cao su tăng thêm từ việc mua mới Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con với giá trị là 1.891.695.539 ngàn VND (Thuyết minh số 4).

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí đi vay là 474.465.553 ngàn VND (kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 514.423.787 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, công trình thủy điện, cao su, cọ dầu và các dự án khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	246.618.248	47,80	244.809.722
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	7.534.332	25,00	7.489.918
TỔNG CỘNG			254.152.580		252.299.640

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	4,90	39.200.000	4,90	39.200.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai (i)	-	-	19,26	24.636.248
Các khoản đầu tư khác	-	5.901.902	-	5.901.902
TỔNG CỘNG		51.301.902		75.938.150

Đầu tư vào các công ty khác thể hiện các khoản đầu tư vào các công ty mà Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể.

(i) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2016, Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai cho Bà Nguyễn Thị Nga với tổng trị giá 24.636.250 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền bán cổ phần này.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí phát triển vườn mía	606.536.941	658.413.797
Chi phí trồng cỏ	178.181.742	121.112.688
Tiền thuê đất	84.021.333	91.834.191
Công cụ, dụng cụ	78.570.861	134.418.866
Chi phí khai hoang vườn cây mới	69.974.999	-
Chi phí đào tạo học viện bóng đá HAGL - JMG	62.815.326	63.699.738
Chi phí vườn bấp	43.410.720	49.185.469
Chi phí thuê văn phòng	25.761.130	26.054.715
Chi phí trả trước dài hạn khác	20.679.928	11.795.634
TỔNG CỘNG	1.169.952.980	1.156.515.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Ngân VND</i>
	<i>Giá trị</i>
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	479.247.555
Tăng từ mua công ty con (i)	8.369.602
Giảm trong kỳ (Thuyết minh số 4.2)	<u>(17.592.789)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>470.024.368</u>
Giá trị phân bổ lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(4.737.360)
Phân bổ trong kỳ	<u>(29.972.250)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(34.709.610)</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>474.510.195</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>435.314.758</u>
(i) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương và các công ty con liên quan vào ngày 22 tháng 2 năm 2016 (Thuyết minh số 4.1).	

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>
Phải trả tiền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	445.602.970	490.407.288
Phải trả nhà thầu xây dựng	321.418.283	300.130.687
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	303.188.870	152.218.598
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	68.560.796	114.681.513
Phải trả người bán khác	8.997.506	66.210.000
TỔNG CỘNG	<u>1.147.768.425</u>	<u>1.123.648.086</u>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	977.681.676	1.021.126.780
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	170.086.749	102.521.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Khách hàng thương mại trả tiền trước	977.589.614	796.834.695
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Bò Đông Dương	152.954.358	574.711.583
Các khách hàng khác	824.635.256	222.123.112
Khách hàng ứng trước mua dự án thủy điện	445.819.153	-
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	530.450.502	374.145.290
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	60.174.258	267.453.816
TỔNG CỘNG	<u>2.014.033.527</u>	<u>1.438.433.801</u>
Trong đó:		
Các khách hàng khác	1.762.969.461	1.186.629.294
Bên liên quan (Thuyết minh số 35)	251.064.066	251.804.507

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") (Thuyết minh số 34.2)	1.519.411	-	-	1.519.411
Thuế khác	719.366	3.177.265	(3.282.293)	614.338
TỔNG CỘNG	<u>2.238.777</u>	<u>3.177.265</u>	<u>(3.282.293)</u>	<u>2.133.749</u>
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	162.239.198	86.361.558	(65.706.092)	182.894.664
Thuế TNDN (Thuyết minh số 34.2)	67.994.260	28.273.301	(14.394.165)	81.873.396
Thuế thu nhập cá nhân	6.582.518	4.490.198	(1.264.625)	9.808.091
Thuế khác	38.584.900	1.575.582	(33.178.468)	6.982.014
TỔNG CỘNG	<u>275.400.876</u>	<u>120.700.639</u>	<u>(114.543.350)</u>	<u>281.558.165</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay (i)	1.066.932.799	789.498.692
Chi phí hoạt động	28.356.202	19.889.639
Khác	49.394.845	-
TỔNG CỘNG	1.144.683.846	809.388.331

(i) Bao gồm trong khoản chi phí lãi vay phải trả này là khoản tiền lãi trị giá 255 tỷ VND tương ứng với 17.000 trái phiếu kèm chứng quyền (*Thuyết minh số 25.6*) mua lại trước hạn trong năm 2015, được đảm bảo bằng 92.855.945 cổ phiếu HNG do Công ty sở hữu. Ngoài ra, 92.855.945 cổ phiếu này đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 530 tỷ VND của Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ (bên liên quan), trái phiếu không chuyển đổi mệnh giá 350 tỷ VND của Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh (bên liên quan), và trái phiếu của Tập đoàn có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600.

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải trả nhân viên	117.488.148	10.422.712
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 35</i>)	107.799.504	132.170.945
Phải trả các công ty khác	164.913.240	985.416.520
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chieun Sekong Group</i>	-	509.487.168
<i>HongKong Tongqing International Trading Limited</i>	-	254.401.133
<i>Các công ty khác</i>	164.913.240	221.528.219
Phải trả tiền thuê đất	12.456.713	14.649.561
Phí bảo trì căn hộ	21.839.829	14.386.625
Các khoản khác	299.723.028	60.501.225
	724.220.462	1.217.547.588
Dài hạn		
Nhận ký quỹ dài hạn (*)	204.623.404	155.032.207
Tiền thuê đất phải trả	204.370.799	185.951.658
Các khoản khác	3.402.892	205.741.000
	412.397.095	546.724.865
TỔNG CỘNG	1.136.617.557	1.764.272.453

(*) Khoản này chủ yếu là tiền ký quỹ của khách hàng thuê trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ tại dự án Khu Phúc hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ngàn VND				
Vay ngắn hạn				
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 25.1)	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 25.2)	3.199.546.106	3.372.774.823	(3.660.381.813)	2.911.939.116
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 25.4)	1.194.348.748	790.631.482	(519.447.652)	1.465.532.578
Vay ngắn hạn khác (Thuyết minh số 25.5)	-	778.574.408	(48.000.000)	730.574.408
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	2.803.860.293	3.631.408.849	(300.000.000)	6.135.269.142
Trong đó:				
Trái phiếu kèm chứng quyền (Thuyết minh số 25.6)	300.000.000	-	(300.000.000)	-
Trái phiếu hoán đổi (Thuyết minh số 25.7)	1.130.000.000	-	-	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 25.3)	1.373.860.293	3.631.408.849	-	5.005.269.142
	8.297.755.147	8.573.389.562	(4.527.829.465)	12.343.315.244
Vay dài hạn				
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 25.3)	10.191.116.964	20.309.797	(3.654.954.288)	6.556.472.473
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 25.4)	8.551.446.715	754.027.374	(1.534.681.009)	7.770.793.080
Vay dài hạn khác	58.896.235	1.035.909	(46.643.216)	13.288.928
	18.801.459.914	775.373.080	(5.236.278.513)	14.340.554.481
TỔNG CỘNG	27.099.215.061	9.348.762.642	(9.764.107.978)	26.683.869.725

Hiện nay, Ban Giám đốc đang tiếp tục thương lượng với các chủ nợ chính nhằm tìm giải pháp cho tình hình tài chính của Tập đoàn. Nội dung của các buổi thảo luận chính bao gồm việc cơ cấu/hoán đổi gia tăng thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu lên tối thiểu 3 - 15 năm. Cơ cấu, giãn thời gian trả nợ lãi thêm 3 năm, giảm lãi suất cho vay, ứng xử đối với khoản vay mới và việc duy trì hạn mức tín dụng đã cấp cho Tập đoàn. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte. Ltd. ("NIMP"), một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte. Ltd., của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND với mệnh giá là 1 triệu VND/trái phiếu. Trái phiếu sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VND/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng nếu có. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng được niêm yết bởi 4 ngân hàng trong nước (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định vào ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn).

Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty và NIMP đã ký kết bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 đã được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày đến hạn: Ngày Đến hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2015.
- ▶ Giá chuyển đổi: 25.000 VND/cổ phiếu và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.
- ▶ Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng (+) 3%/năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- ▶ Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 cho đến Ngày Đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần vào thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- ▶ Giá chuyển đổi sau khi điều chỉnh hiệu ứng pha loãng do phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu theo tỷ lệ 5:1; phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi cổ phiếu quốc tế và chia cổ tức trong năm 2013 là 21.610 VND/cổ phiếu; phát hành cổ phần phổ thông để chia cổ tức trong năm 2014 là 19.645 VND/cổ phiếu.
- ▶ Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái Phiếu: Vào bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến Ngày Đến Hạn, Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần vay ngắn hạn của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 3107/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 31 tháng 7 năm 2015, một số điều khoản và điều kiện của trái phiếu chuyển đổi đã được phê duyệt sửa đổi và đã được NIMP chấp thuận, cụ thể như sau:

- ▶ Ngày đến hạn: Ngày đến hạn gia hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2017.
- ▶ Lãi suất: ba phần trăm (3%) một năm. Mức lãi suất này sẽ được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2015.
- ▶ Giá chuyển đổi: 19.645 VND/cổ phiếu và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ tổng nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Công ty đã vượt quá tỷ lệ cho phép được quy định trong hợp đồng.

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	1.918.638.256	1.896.279.457
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	747.204.044	853.351.981
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"), Chi nhánh Đồng Nai	223.503.456	449.914.668
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Gia Lai	22.593.360	-
TỔNG CỘNG	<u>2.911.939.116</u>	<u>3.199.546.106</u>

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng và văn phòng, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, đàn bò và các tài sản khác của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2016		Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngân VND	Ngân VND				
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>						
Khoản vay 1	755.840.977	473.875.701	12.618.719	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2016 đến ngày 15 tháng 6 năm 2017	5,5 - 10,8%/năm	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai vườn cao su 1.194,74 ha tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên - bên liên quan; căn hộ và một phần khu Thương mại Bầu Thạc Gián, Đà Nẵng
Khoản vay 2	598.080.606	474.725.354	5.522.001	Từ ngày 19 tháng 8 năm 2016 đến ngày 20 tháng 10 năm 2016	5,05 - 10,5%/năm	Công trình khu liên hợp học viện bóng đá HAGL; công trình đại học Y Dược HAGL; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên - bên liên quan; và căn hộ tại khu Thương mại Bầu Thạc Gián, Đà Nẵng
Khoản vay 3	517.872.883	517.872.883	-	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2016 đến ngày 28 tháng 3 năm 2017	6,5 - 7,3%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chưprong, Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên
Khoản vay 4	46.843.790	46.843.790	-	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 21 tháng 3 năm 2017	9,9 - 10,8%/năm	Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tổng trị giá 67 tỷ VND - thuộc Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai
Tổng cộng BIDV			1.918.638.256			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2016		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngân VND	Nguyên tệ			
	USD	LAK			
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu					
Khoản vay 1	311.648.533	13.914.496	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2016 đến 28 tháng 3 năm 2017	6,5 - 9%/năm	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Laman, Sekong, Lào; toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò; toàn bộ đàn bò nhập về của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh
Khoản vay 2	217.405.932	9.706.749	Từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến 24 tháng 6 năm 2017	8%/năm	Máy cắt mía trị giá 5,136 tỷ LAK của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu - công ty con; Quyền sử dụng đất 18.313 m ² tại huyện Samakxay, tỉnh Attapeu và tài sản liên quan trị giá 46,122 tỷ LAK của công ty TNHH PTNN Hoàng Anh Attapeu ("HAA")
Khoản vay 3	106.162.579	4.739.951	Từ ngày 8 tháng 10 năm 2016 đến 14 tháng 12 năm 2016	8 - 9,75%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ dự án nuôi bò bao gồm tài sản cố định và đàn bò nhập về của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay 4	111.987.000	5.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2016	8,75%/năm	Toàn bộ đàn bò nhập về và 2 quyền sử dụng đất tại Tỉnh Attapeu và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha thuộc sở hữu của HAA
Tổng cộng ngân hàng Lào - Việt		747.204.044			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.2 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	30 tháng 6 năm 2016		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngân VND	Nguyên tệ Ngân VND USD			
HDBank, Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	222.706.456	222.706.456	- Từ ngày 1 tháng 9 năm 2016 đến 3 tháng 9 năm 2016	10 - 11%/năm	Toàn bộ cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh ("HAN")
HDBank, Chi nhánh Đắk Lắk	797.000	797.000	- Từ ngày 28 tháng 2 năm 2017 đến 26 tháng 4 năm 2017	10,5%/năm	Đàn bò sinh sản và bê con sinh ra thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk
Tổng cộng ngân hàng HDBank	223.503.456				
Ngân hàng Sacombank, Chi nhánh Campuchia	22.593.360	- 1.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	9%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Oyada

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Ngân VND	Ngày đáo hạn
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	1.760.280.296	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	Ngày 17 tháng 8 năm 2015	850.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2020
BIDV và BSC	Ngày 9 tháng 7 năm 2013	950.000.000	Ngày 9 tháng 7 năm 2016
BIDV và BSC	Ngày 28 tháng 3 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2019
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phù Gia ("PHU GIA SC")	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	650.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	(ii) Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 11 năm 2017
BIDV và BSC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
BIDV và BSC	Ngày 23 tháng 7 năm 2015	2.150.000.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	(i) Ngày 17 tháng 11 năm 2015	1.700.000.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2018
Chi phí phát hành trái phiếu		(98.538.681)	
TỔNG CỘNG		11.561.741.615	

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	5.005.269.142
Vay dài hạn	6.556.472.473

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản vay này chưa đến hạn thanh toán trong vòng 1 năm tới theo hợp đồng vay có liên quan, tuy nhiên các điều khoản đảm bảo đã bị vi phạm, theo đó khoản vay này đã được phân loại thành vay dài hạn đến hạn trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.
- (ii) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, tổng giá trị tài sản đảm bảo của trái phiếu này không bằng tối thiểu 145% tổng mệnh giá trái phiếu theo quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu. Khoản trái phiếu này đang được trình bày là khoản nợ dài hạn trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thương mại trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	520.000.000	18,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Rattanakiri, Campuchia); dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh (Tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào ("Lào")); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	100.281.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị; 66.479.140 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty; tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Thương mại Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (Thành phố Yangon, Myanmar)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, tổng giá trị tài sản đảm bảo của trái phiếu tổng mệnh giá 520 tỷ VND được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố tài sản. Đồng thời, vào cùng ngày, tổng giá trị tài sản đảm bảo cho hai gói trái phiếu tổng mệnh giá 200 tỷ VND và 240 tỷ VND của Ngân hàng HD - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt lần lượt không bằng tối thiểu 120% và 100% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong các hợp đồng cầm cố tài sản.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngân VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
BIDV và BSC	BIDV	850.000.000	10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm (2016: 9,025 - 10%/năm)	Ngày 17 tháng 8 năm 2020	Hoàn đổi cho các trái phiếu có tổng mệnh giá 850 tỷ VND đáo hạn vào ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Tập đoàn	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM") (Tỉnh Attapeu, Lào); quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên
BIDV và BSC (*)	BIDV	950.000.000	14%/năm cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, VCB, BIDV và Vietinbank cộng với biên độ 5%/năm (2016: 9 - 11%/năm)	Ngày 9 tháng 7 năm 2016	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tài cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA"); một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (Tỉnh Attapeu, Lào)

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán khoản trái phiếu đến hạn này.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
BIDV và BSC	BIDV Công ty Cổ phần Hoàn Mai	950.000.000 50.000.000	12%/năm cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Agribank - HCM, Vietinbank - HCM, BIDV - Sở Giao Dịch 2 và VCB - HCM và cộng (+) với biên độ 4%/năm (2016: 9,125 - 10,125%/năm)	Ngày 28 tháng 3 năm 2019	Hoạt động sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 3.637 ha cây cao su (Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam); dự án trồng và chăm sóc 9.000 ha cây cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 8.216 ha cây cọ dầu (Tỉnh Rattanakiri, Campuchia); dự án trồng và chăm sóc 4.900 ha cây cao su (Tỉnh Attapeu và SeKong, Lào)	Một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với đất quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu HAA; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (Tỉnh Attapeu, Lào)
PHU GIA SC (*)	Ngân hàng HD - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	650.000.000	13,5%/năm cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi mỗi sáu (6) tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại HDBank và cộng (+) với biên độ 6%/năm (2016: 10,5 - 12%/năm)	Ngày 1 tháng 4 năm 2019	Tái cấu trúc tài chính và bổ sung vốn lưu động kinh doanh	67.275.000 cổ phiếu HNG và 196.368.900 cổ phần HAN thuộc quyền sở hữu của Công ty

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, tổng giá trị tài sản đảm bảo của trái phiếu không bằng tối thiểu 70% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cam có tài sản đã ký.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thương trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
VPBS (**)	VPB	1.000.000.000	Ngàn VND			
			10,35%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, và các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất sẽ bằng lãi suất tiền gửi Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng công với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (2016: 9,45 - 10,05%/năm)	Ngày 28 tháng 11 năm 2017	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (600 tỷ VND), công ty liên quan, và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Daun Pênh ("Daun Pênh") thuộc sở hữu bởi HNG và dự án trồng cọ dầu với Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty Daun Pênh
BIDV và BSC	BIDV	1.000.000.000		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai (470 tỷ VND); bổ sung vốn cho các công ty thành viên để chi trả cho các chi phí thực hiện dự án trồng, chăm sóc cây cao su, cọ dầu, xây dựng nhà máy chế biến cơ dầu và nhà máy nhiệt điện (480 tỷ VND) và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (50 tỷ VND)	Một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu HAA; một phần quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (Tỉnh Attapeu, Lào)

(**) Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường của tài sản đảm bảo sau kỳ kế toán giữa niên độ. Theo đó, vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, tổng giá trị tài sản đảm bảo hiện không bằng tối thiểu 145% tổng mệnh giá trái phiếu theo quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngân VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
BIDV và BSC	BIDV	2.150.000.000	10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình công của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm (2016: 9,025 - 10,025%/năm)	Ngày 23 tháng 7 năm 2020	Cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty, tăng quy mô vốn hoạt động và hợp tác kinh doanh thực hiện các dự án	Một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu HAA; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cò dầu tại Tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu HAA; một phần quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas và 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngân VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
FPTS và VPB	VPB	600.000.000	10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi bằng Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB - Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất ("Lãi Suất Tham Chiếu") cộng với biên độ là 4,5%/năm (2016: 10,7 - 11,3%/năm)	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017	Dự án chăn nuôi bò thịt tại xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN và các khoản tiền, tài sản còn lại thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty sau khi được Eximbank - Sacombank xóa thế chấp hoàn trả thanh toán lại theo hợp đồng bảo lãnh 178 và hợp đồng vay số 2000-LAV-201302293 ngày 18 tháng 4 năm 2013; tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Thương Mại Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (Thành phố Yangon, Myanmar); vốn góp 51 triệu USD của HAN vào Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar; 225.970.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, 234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Daun Pènh và dự án Daun Pènh với quy mô 7.376,08 ha tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty Daun Pènh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
ECS (***)	VPB Ngân hàng TMCP Quốc Dân	1.400.000.000 300.000.000	10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng tổng của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sở Giao Dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2016: 11%/năm)	Ngày 17 tháng 12 năm 2018	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012; bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào, bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của Tập đoàn	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty (trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để thế chấp cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 của Công ty)

(***) Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường của tài sản đảm bảo sau kỳ kế toán giữa niên độ. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị tài sản đảm bảo hiện nay không bằng trị thiếu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố đã ký kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) - Sở Giao Dịch 1	3.128.300.000	3.155.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	2.837.708.516	2.868.532.269
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (Ngân hàng Lào - Việt) - Chi nhánh Attapeu	1.433.931.661	1.397.191.001
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank")	933.557.436	937.322.850
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	902.828.045	1.208.568.105
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Gia Lai	-	178.581.238
TỔNG CỘNG	9.236.325.658	9.745.795.463
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>1.465.532.578</i>	<i>1.194.348.748</i>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>7.770.793.080</i>	<i>8.551.446.715</i>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án xây dựng và phát triển thủy điện, trồng cây cao su và mía, phát triển dự án bò thịt, xây dựng trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, khách sạn và mua sắm máy móc thiết bị của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nguyên tệ	USD	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
Eximbank – Sở Giao Dịch 1						
	<u>3.128.300.000</u>	140.000.000		Từ ngày 10 tháng 7 năm 2016 đến ngày 10 tháng 6 năm 2023	Lãi suất LIBOR 3 tháng bằng USD vào thời điểm giải ngân + 7,8%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần	Tổng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ dự án "Trung tâm Thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar" thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar; 196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty - tài sản này hiện đang đồng thời thế chấp cho trái phiếu 650 tỷ sở hữu bởi HDBank, trái phiếu 600 tỷ sở hữu bởi VPBank, trái phiếu 800 tỷ sở hữu bởi Eximbank (Thuyết minh số 25.3) và khoản vay HDBank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai (Thuyết minh số 25.2)
Trong đó:						
Vay dài hạn đến hạn trả	446.900.000					
BIDV, Chi nhánh Gia Lai						
Khoản vay 1	716.781.301	32.077.928		Từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2016: 7%/năm)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu bởi HAA
Khoản vay 2	504.886.67	22.542.200		Từ ngày 26 tháng 12 năm 2016 đến ngày 26 tháng 9 năm 2024	Lãi suất suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2016: 7%/năm)	Tài sản dự án thủy điện Nậm Kông 2 của Công ty TNHH Điện HA Attapeu; khu liên hợp học viện bóng đá HAGL; một phần bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
Ngân VND				
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>				
Khoản vay 3	225.859.830	Từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 4 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2016: 9,5 - 11,2%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Khoản vay 4	79.544.318	Từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 4 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,2%/năm (2016: 9,5 - 11,5%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Gia Lai của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Khoản vay 5	65.968.272	Từ ngày 5 tháng 12 năm 2017 đến ngày 5 tháng 12 năm 2022	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2016: 9,5%/năm)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò tại Xã Ia Băng, Tỉnh Gia Lai của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Khoản vay 6	4.906.662	Từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 2,8%/năm	Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trị giá 262 tỷ VND; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tổng trị giá 67 tỷ VND của Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL
Khoản vay 7	3.224.054	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2018	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn 36 tháng do BIDV thông báo cộng phí ngân hàng 3,2%/năm	Toàn bộ máy móc thiết bị y tế hình thành từ vốn vay của Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
USD					
USD					
BIDV, Chi nhánh Bình Định					
Khoản vay 1	659.306.351	29.436.736	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 12 năm 2022	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5%/năm (2016: 7%/năm)	Cao ốc Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai; quyền sử dụng đất tại Hồ sinh thái Đổng Đa, Thành phố Quy Nhơn; nhà máy đá Grannite HAGL tại Tỉnh Gia Lai; số dư tiền gửi ngân hàng 47.989.463 ngàn VND tại BIDV (Thuyết minh số 5); quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phù Đổng, Pleiku, Gia Lai - thuộc sở hữu của Công ty; 116 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV gắn liền quyền sử dụng đất tại Tỉnh Đắk Lắk của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của HAA
Khoản vay 2	577.231.056	25.772.235	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2017 đến ngày 25 tháng 3 năm 2018	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm (2016: 7%/năm)	Quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha đất tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu

Tổng cộng
BIDV

2.837.708.516

Trong đó:

Vay dài hạn
đến hạn trả

319.699.347

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Đơn vị tính	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng (*)	262.454.605	Ngàn VND	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2017 đến ngày 3 tháng 1 năm 2019	1,125%/tháng trong 3 tháng đầu, sau đó được điều chỉnh 4 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng + 0,3333%/tháng (2016: 11,55%/năm)	(Thuyết minh số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
Sacombank, Chi nhánh Trung tâm (*)	300.000.000	USD	Từ ngày 10 tháng 9 năm 2016 đến ngày 17 tháng 6 năm 2023	6 tháng đầu: 11%/năm; từ tháng thứ 7: lãi suất tiền gửi 13 tháng cộng 3,5%/năm, điều chỉnh mỗi 3 tháng (2016: 12%/năm)	16 triệu cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 30 triệu cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAN

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, tổng giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 100% tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cầm cố tài sản.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức	Ngàn VND	USD			(Thuyết minh số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	250.000.000	-	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2017 đến ngày 29 tháng 5 năm 2019	Lãi suất thả nổi (2016: 10 - 11%/năm)	Vườn cao su 1.328,1 ha của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên, bên liên quan; 1 bia đồ 479,2 ha tại xã EaH'leo, huyện EaH'leo giá trị 95,840 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk và 1 bia đồ 683,33 ha tại xã EaH'leo, huyện EaH'leo giá trị 97,760 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê
Sacombank, Chi nhánh Campuchia	90.373.440	4.000.000	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến 21 tháng 6 năm 2021	9%/năm	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Rattanakiri và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Rattanakiri của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Oyada

Tổng cộng Sacombank **902.828.045**

Trong đó:
Vay dài hạn đến hạn trả 587.454.605

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	USD				
Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu						
Khoản vay 1	375.107.449	-	135.908.496	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	13,75%/năm trong năm đầu tiên, từ năm thứ 2 lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng + biên độ lãi suất quy định từng thời kỳ	Tài sản dự án Thủy điện Nậm Kông 3 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3
Khoản vay 2	313.681.090	14.005.246	-	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2016 đến ngày 25 tháng 5 năm 2020	10%/năm đối với 6 tháng đầu tiên, sau đó bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng tại LVB + biên độ lãi suất, điều chỉnh 06 tháng/lần (2016: 9,5 - 11%/năm)	2 quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha; đất bỏ nhập về thuộc sở hữu bởi HAA
Khoản vay 3	279.956.934	7.649.849	39.355.143	Từ ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 21 tháng 3 năm 2023	Vay bằng USD: mức vay trung hạn tại LVB, điều chỉnh 6 tháng/lần. Vay bằng LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần (2016: 9,5 - 11%/năm cho USD; 12,75 - 13,75%/năm cho LAK)	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu bởi HAA
Khoản vay 4 (*)	220.247.556	-	79.849.839	Từ ngày 27 tháng 2016 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	Lãi suất năm đầu 13,5%/năm, sau đó, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng + 3%/năm, sẽ được điều chỉnh 6 tháng/lần (2016: 13,75%/năm)	Tài sản dự án thủy điện Nậm Kông 2 của Công ty TNHH Điện HA Attapeu

(*) Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán trị giá 13.766.800 ngàn VND cho LVB do đã nhận được thông báo chấp thuận hoãn trả nợ của ngân hàng này theo công văn số 195/PĐ.CNATP.LVB ngày 9 tháng 6 năm 2016.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngàn VND	USD				
Ngân hàng Lào - Việt ("LVB"), Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)						
Khoản vay 5	165.582.109	-	59.993.518	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2016 đến ngày 25 tháng 9 năm 2025	13,5%/năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + 3%/năm (2016: 13,75%/năm)	Tài sản dự án thủy điện Nậm Kông 2 của Công ty TNHH Điện HA Attapeu
Khoản vay 6	9.111.063	-	3.301.110	Ngày 25 tháng 9 năm 2016	13,5%/năm trong năm đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 2 lần mỗi năm theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3%/năm (2016: 12,75 - 13,75%/năm)	2 quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tổng diện tích 7,9 ha tổng trị giá 14.301.500 USD thuộc sở hữu bởi HAA
Khoản vay 7	70.245.460	3.136.322	-	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2016 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020	9,5 - 10,5%/năm	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cò dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu bởi HAA
Tổng cộng Ngân hàng Lào - Việt			1.433.931.661			
Trong đó:						
Vay dài hạn đến hạn trả			111.478.626			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 5, 10, 11, 12, 13 và 14)
	Ngân VND	Ngân VND				
<i>HD Bank - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai</i>						
	870.596.811	449.999.993	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2019 đến ngày 18 tháng 7 năm 2019	8%/năm cho năm đầu tiên, sau đó lãi suất huy động USD thời gian 12 tháng của ngân hàng công 7%/năm nhưng không vượt quá 8%/năm, điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2016: 10,5 - 12%/năm cho VND và 7 - 7,5%/năm cho USD)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Công ty do Chủ tịch HĐQT và bà Hoàng Thị Ngọc Bích nắm giữ và toàn bộ quyền phát sinh; quyền thuê đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trên đất và quyền khai thác dự án Hoàng Anh Lumphat thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Lumphat
<i>HD Bank - Chi nhánh Đắk Lắk</i>						
	62.960.625	62.960.625	-	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	10,5 - 11,25%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk
Tổng cộng HD bank		933.557.436				

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.5 Vay ngắn hạn khác

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên đối tượng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	Ngân VND	Nguyên tệ Ngân LAK			
Ông Đỗ Mai Anh Tuấn					
Khoản 1	75.211.633	27.250.592	-	Không lãi suất	Tin chấp
Khoản 2	79.745.807	28.893.408	-	Không lãi suất	Tin chấp
Công ty TNHH Chaleun Sekong Group					
	509.487.168	-	22.600.000	Không lãi suất	Tin chấp
Các cá nhân khác và công ty (*)	66.129.800	-	-	5 - 10%/năm	Tin chấp
Tổng cộng vay ngắn hạn khác	730.574.408				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thực hiện thanh toán khoản vay cá nhân đến hạn trị giá 34.409.300 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.6 Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm 1 năm. Trái phiếu được trả lãi định kỳ ba (3) tháng một lần với lãi suất là 11,37%/năm cho ba (3) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng của Ngân hàng Nhà nước ("SBV") bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. Trong trường hợp SBV hủy bỏ quy định về lãi suất tối đa đối với tiền gửi có kỳ hạn từ một đến dưới mười hai (12) tháng, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm của cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của VPBS bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3%/năm. HNG đã tiến hành bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital ("ECS") căn cứ theo các hợp đồng lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2012, ngày 25 tháng 12 năm 2012 và ngày 27 tháng 12 năm 2012 với số tiền thu được lần lượt là 750 tỷ VND, 450 tỷ VND và 800 tỷ VND. Như vậy, tổng số tiền thu được từ các hợp đồng bán trái phiếu này là 2.000 tỷ VND. Mục đích phát hành trái phiếu này là để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng và chăm sóc 28.173 ha cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 9.470 ha cọ dầu tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 25.000 ha cao su và cọ dầu tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; dự án trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Sekong, Lào; tái cấu trúc nợ vay của HNG và bổ sung vốn lưu động và đầu tư cho các dự án khác của HNG và các công ty con.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của HNG tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của HNG tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã trả 1.700 tỷ VND của trái phiếu đến hạn. Các trái phiếu còn lại trị giá 300 tỷ VND được gia hạn thêm một (1) năm từ ngày 28 tháng 12 năm 2015.

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2016, phần nợ gốc còn lại của trái phiếu này đã được HNG thanh toán trước hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VAY (tiếp theo)

25.7 Trái phiếu hoán đổi

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Tập đoàn đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 VND cho NIMP với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VND.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ ngày phát hành với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thoả thuận của chủ sở hữu trái phiếu.

Trong kỳ, Công ty đã đàm phán với NIMP và đã được chấp thuận việc gia hạn kỳ hạn của trái phiếu đến 14 tháng 7 năm 2017 (ngày đến hạn gia hạn)

- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

$$\text{Lãi suất} = 5\% \times (1 + \text{Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái}).$$

"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa Đô la Mỹ và VND do Ngân hàng HSBC Việt Nam niêm yết kể từ ngày phát hành trái phiếu ("ngày phát hành") đến trước 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

$$\text{Lãi Suất} = 5\% \times (1+y)^n$$

Trong đó "y" có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Tập đoàn thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Tập đoàn không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%.

"n" có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ ngày phát hành đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (tiền thân là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) do Công ty nắm giữ vào bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của HNG.
- ▶ Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ nợ ngắn hạn trên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao tài sản cố định ("EBITDA") của Công ty và tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của HNG đã vượt mức cho phép theo quy định của hợp đồng mua bán trái phiếu. Do đó, các trái phiếu này đã được trình bày tại mục vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015							
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	670.143	249.756.283	2.517.123.517	14.205.621.557
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	831.441.106	831.441.106
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	66.210.385	-	-	66.210.385
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	21.523.350	(21.523.350)	-
Trích lập quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.711.100)	(17.711.100)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con không làm thay đổi quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	(944.683.227)	(944.683.227)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	66.880.528	271.279.633	2.364.646.946	14.140.878.721
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016							
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	555.077.253	279.895.303	2.023.903.249	14.296.947.419
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(862.094.186)	(862.094.186)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	22.029.464	-	-	22.029.464
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con không làm thay đổi quyền kiểm soát (*)	-	-	-	-	-	702.413.690	702.413.690
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	577.106.717	279.895.303	1.864.222.753	14.159.296.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Đây là khoản chênh lệch giữa giá thu hồi và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của các công ty con trong Tập đoàn chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát, đã được hạch toán vào khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như được trình bày tại Thuyết minh số 4.2 và 4.3.

26.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	789.899.283	789.899.283
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	68.664	68.664

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số dư đầu kỳ	1.968.772.863	1.152.512.250
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	2.792.000.000	159.000.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(825.000)	-
Mua công ty con	(2.179.155)	373.572.100
Thanh lý công ty con	(5.021.563)	(8.652.537)
(Lỗ) lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(329.135.368)	81.616.618
Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát	-	(2.200.000)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	(472.942.784)	106.170.463
Số dư cuối kỳ	3.950.668.993	1.862.018.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
(Lỗ) lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (ngàn VND)	(862.094.186)	831.441.106
Điều chỉnh giảm do trích lập quỹ phúc lợi (ngàn VND)	-	(17.711.100)
Tiền lãi sau thuế của trái phiếu chuyển đổi hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (ngàn VND)	<u>9.714.220</u>	<u>31.975.974</u>
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng (ngàn VND)	<u>(852.379.966)</u>	<u>845.705.980</u>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	789.899.283	789.899.283
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	<u>55.993.892</u>	<u>55.993.892</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong kỳ	<u>845.893.175</u>	<u>845.893.175</u>
(Lỗ) lãi trên cổ phiếu (VND)		
- (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.091)	1.030
- (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.091)	1.000

Theo trình bày tại Thuyết minh số 25.1 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành 1.100 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá 1 triệu VND/trái phiếu. Các trái phiếu này có thể có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai như đã được tính toán cho kỳ kế sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tuy nhiên, cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, chúng có tác động suy giảm ngược.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU

29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
		Ngàn VND
Doanh thu gộp	3.658.541.917	3.035.743.249
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bỏ</i>	1.864.372.813	766.447.163
<i>Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư</i>	483.477.600	214.941.818
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	369.844.648	483.922.929
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	350.751.755	866.850.237
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	259.378.921	237.830.747
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	178.559.022	78.250.106
<i>Doanh thu bán bắp</i>	136.400.968	282.102.026
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	15.756.190	105.398.223
Khoản giảm trừ		
<i>Hàng bán trả lại</i>	(896.894)	(35.528)
Doanh thu thuần	3.657.645.023	3.035.707.721
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bỏ</i>	1.863.475.919	766.447.163
<i>Doanh thu từ thanh lý bất động sản đầu tư</i>	483.477.600	214.941.818
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	369.844.648	483.922.929
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	350.751.755	866.850.237
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	259.378.921	237.795.219
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	178.559.022	78.250.106
<i>Doanh thu bán bắp</i>	136.400.968	282.102.026
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	15.756.190	105.398.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. DOANH THU (tiếp theo)

29.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền cho vay	487.781.782	354.509.477
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	71.199.533	137.965.849
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.946.081	7.948.400
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần và thanh lý các khoản đầu tư	2.595.451	29.925.898
Cổ tức	112.725	115.475
Các khoản khác	68.977	-
TỔNG CỘNG	570.704.549	530.465.099
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi tiền cho vay các bên liên quan</i>	437.647.912	258.528.729
<i>Lãi tiền cho vay các bên khác</i>	50.133.870	95.980.748

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn bán bò	1.653.200.588	477.286.404
Giá vốn bất động sản đầu tư	393.412.104	81.183.514
Giá vốn dịch vụ cung cấp	289.605.550	523.927.806
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	253.865.279	258.309.878
Giá vốn hàng hóa	239.089.397	223.030.411
Giá vốn căn hộ	158.705.465	62.872.364
Giá vốn bán bắp	67.063.060	120.791.179
Giá vốn mũ cao su	24.057.192	73.726.905
TỔNG CỘNG	3.078.998.635	1.821.128.461

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi vay ngân hàng và trái phiếu	797.477.384	459.315.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	89.311.552	22.398.056
Các khoản khác	1.619.854	14.321.197
TỔNG CỘNG	888.408.790	496.034.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	87.921.369	19.085.788
Chi phí lương nhân viên	874.600	2.816.033
Chi phí khấu hao	703.700	493.832
Chi phí khác	1.365.894	14.079.287
TỔNG CỘNG	90.865.563	36.474.940
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí dự phòng	118.934.939	-
Chi phí lương nhân viên	94.446.643	83.294.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.075.510	29.028.358
Chi phí khấu hao	20.517.017	18.159.065
Chi phí khác	67.008.362	34.508.607
TỔNG CỘNG	365.982.471	164.990.423

33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	6.125.830	162.361.518
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	155.175.372
Các khoản khác	6.125.830	7.186.146
Chi phí khác	917.976.727	169.031.805
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	502.402.105	115.421.968
Lỗ từ thanh lý các tài sản dài hạn	383.669.103	-
Các khoản phạt	9.013.829	9.689.294
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	1.924.292	1.515.353
Các khoản khác	20.967.398	42.405.190
LỖ KHÁC	(911.850.897)	(6.670.287)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Lào, Campuchia, Myanmar và Thái Lan có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất tương ứng dựa trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.715.407	147.069.255
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>55.054.194</u>	<u>(19.252.556)</u>
TỔNG CỘNG	<u>72.769.601</u>	<u>127.816.699</u>

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu (lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.118.459.953)	1.040.874.423
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	1.169.608.370	148.413.108
Lợi nhuận chưa thực hiện	80.493.184	95.320.844
Lợi thế thương mại phân bổ	29.972.250	13.577.048
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.758.586	20.975.465
Lỗ từ các công ty liên kết	10.703.169	-
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	1.547.325	29.784.092
Các khoản khác	106.365.769	86.052.553
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(104.921.354)	(668.555.080)
Dự phòng các khoản đầu tư	(101.637.315)	-
Chi phí lãi vay đã được khấu trừ khi tính thuế nhưng được vốn hóa vào dự án trên báo cáo tài chính hợp nhất	(56.274.830)	(91.066.408)
Thu nhập cổ tức	(112.725)	(115.475)
Lãi từ việc thanh lý các công ty con	-	(29.925.898)
Các khoản khác	(11.674.193)	(2.487.395)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cán trừ lỗ năm trước	17.368.283	642.847.277
Lỗ các năm trước chuyển sang	(10.772.998)	(3.530.239)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	6.595.285	639.317.038
Thuế TNDN hiện hành ước tính	12.751.309	138.742.632
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	4.964.098	8.326.623
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	17.715.407	147.069.255
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	66.474.849	14.193.629
Các khoản tăng khác	10.557.894	4.020.511
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(14.394.165)	(70.873.778)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	80.353.985	94.409.617
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 22)	81.873.396	100.144.450
Thuế TNDN nộp thừa (Thuyết minh số 22)	(1.519.411)	(5.734.833)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ kế toán thể hiện như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh</i>	
	<i>hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30</i>	<i>Ngày 31</i>	<i>Cho kỳ kế</i>	<i>Cho kỳ kế</i>
	<i>tháng 6</i>	<i>tháng 12</i>	<i>toán sáu tháng</i>	<i>toán sáu tháng</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>	<i>kết thúc ngày</i>	<i>kết thúc ngày</i>
			<i>30 tháng 6</i>	<i>30 tháng 6</i>
			<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	98.374.081	82.941.387	15.432.694	15.606.373
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.351.717	-	2.351.717	4.195.093
Các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang các năm sau của các công ty con	-	-	-	(19.499.549)
	100.725.798	82.941.387	17.784.411	301.917
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Dự phòng các khoản đầu tư	20.231.959	-	20.231.959	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.333.108	(3.333.108)	-
Chi phí lãi vay vốn hóa ở khía cạnh hợp nhất	245.446.159	189.506.405	55.939.754	(18.950.639)
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	255.058.768	202.288.236	-	-
	520.736.886	395.127.749	72.838.605	(18.950.639)
			55.054.194	(19.252.556)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND			
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	388.655.665	107.609.457		
		Lãi cho vay	235.271.888	192.271.924		
		Trả lãi cho vay	118.198.160	-		
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Thu hồi khoản cho vay	286.110.321	-		
		Bán bỏ	217.043.847	-		
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	123.217.500	193.745.918		
		Lãi cho vay	100.021.089	65.864.172		
		Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	87.069.978	767.128.551		
		Cho vay dài hạn	80.780.000	630.000.000		
		Cho vay ngắn hạn	60.294.000	134.760.000		
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	30.802.955	335.782.911		
		Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyễn	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	59.464.710	-
				Lãi cho vay	33.170.759	-
Dịch vụ xây dựng	5.319.196			-		
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	33.170.759	-		
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay dài hạn	24.663.600	42.869.944		
		Lãi cho vay	7.559.825	-		
		Thu hồi khoản vay	-	20.676.900		
Công ty Cổ phần Phù Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	14.332.500	14.332.500		
		Cho vay ngắn hạn	13.615.335	-		
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.935.098	392.633		
		Cho vay	-	16.833.791		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	386.708.098	251.786.032
		Phải thu hợp đồng xây dựng	59.524.480	24.059.702
		Bán tài sản	383.279	383.279
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	61.011.471	118.125
		Bán tài sản	980.430	-
		Phải thu hợp đồng xây dựng	658.295	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	2.005.569	1.813.211
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát Triển Nhà Hoàng Nguyên	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.921.958	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.734.800	873.319
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.642.578	1.452.577
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.444.472	915.102
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	998.563	1.302.577
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	549.933	250.570
Các bên khác	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	144.273	63.690
TỔNG CỘNG			519.708.199	283.018.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	599.173.588	467.936.006
		Ứng trước mua tài sản	-	4.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	15.056.000	17.023.166
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước cho hợp đồng xây dựng	272.900	272.900
TỔNG CỘNG			614.502.488	489.232.072
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)				
Các bên liên quan	Mối quan hệ		30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan		2.760.085.936	2.860.085.936
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan		395.000.000	473.358.579
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan		202.615.335	-
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Bên liên quan		92.867.100	92.867.100
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan		54.140.387	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan		26.190.000	26.190.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT		663.896	663.896
Công ty Cổ phần Dịch vụ quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty liên quan		500.000	500.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan		-	67.860.980
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT		-	30.434.400
Ông Đỗ Thái Cơ	Bên liên quan		-	16.157.837
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan		-	13.433.052
TỔNG CỘNG (*)			3.532.062.654	3.581.551.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	288.291.126	596.353.404
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	127.561.875 2.440.389	113.229.375 2.440.389
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Nợ thu hộ Chi phí trả hộ	22.839.790 31.684.353 24.126.168	56.547.492 85.229 -
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay Khác	60.581.980 1.524.191	40.411.220 914.514
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	36.852.257 -	14.548.178 7.779.191
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi phí trả hộ	7.559.825 380.531	- 380.531
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay Nợ thu hộ	6.427.866 7.684.332	2.492.768 -
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	2.639.629	138.499.307
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.670.491	622.820
Bà Hồ Thị Kim Chi	Thành viên Ban Giám Đốc ("BGĐ")	Tạm ứng	520.125	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên BGĐ	Lãi cho vay	5.500	-
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	4.072.222
TỔNG CỘNG			635.414.487	991.000.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Ngàn VND	
		30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	1.909.017.263	1.991.975.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	1.842.183.905	1.471.708.240
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	697.320.000	697.320.000
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	294.936.000	294.936.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	141.231.796	116.568.196
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	140.500.617	62.142.038
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	126.017.533	126.017.533
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	32.000.000	221.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	14.651.980	14.651.980
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	-	54.140.387
TỔNG CỘNG (*)		5.197.859.094	5.050.459.374

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015	
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 9)						
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	56.477.878		-	
Ông Huỳnh Hữu Vũ	Bên liên quan	Lãi cho vay	18.982.093		-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.354.167		-	
TỔNG CỘNG			78.814.138		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Chi phí phát triển vườn cây	(60.549.000)	(60.549.000)
		Mua tài sản cố định	(508.200)	-
		Mua hàng hoá và dịch vụ	(155.841)	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Phải trả nhà thầu xây dựng	(74.751.211)	-
		Mua hàng hoá và dịch vụ	(2.396.956)	(1.462.695)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hoá và dịch vụ	(18.916.608)	(9.136.427)
		Mua máy móc thiết bị	(6.920.778)	(23.204.432)
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Phải trả nhà thầu xây dựng	(5.860.095)	(8.140.692)
Các bên liên quan khác	Công ty liên quan	Mua hàng hoá	(28.060)	(28.060)
TỔNG CỘNG			(170.086.749)	(102.521.306)

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 21)

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước hợp đồng xây dựng và mua hàng hóa	(245.789.873)	(251.804.507)
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hoá và dịch vụ	(5.253.289)	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước hợp đồng xây dựng	(20.904)	-
TỔNG CỘNG			(251.064.066)	(251.804.507)

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 24)

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Phải trả do thu hộ	(58.353.969)	-
		Cho mượn tạm	(4.000.000)	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên BGD	Chi hộ	(23.204.111)	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty liên quan	Cho mượn tạm Chi hộ	(19.898.360)	(123.120.360)
			(1.524.414)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			30 tháng 6 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 24) (tiếp theo)				
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	(6.092.453)
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	-	(2.104.578)
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	(818.650)	(853.554)
TỔNG CỘNG			(107.799.504)	(132.170.945)

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 771.976.718 ngàn VND và 5.197.859.094 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Ban Giám đốc Tập đoàn dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016, dự kiến được tổ chức trong tháng 9 năm 2016, phê duyệt các nghiệp vụ này.

Lương, thưởng và thu nhập sau thuế cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Ban thư ký phát sinh trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Lương	4.545.641	4.951.328
Ban kiểm soát Lương	752.027	642.126
Ban thư ký Lương	222.196	256.997
TỔNG CỘNG	5.519.864	5.850.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập toàn là bên thuê

Tập đoàn thuê nhiều lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của Câu lạc bộ bóng đá, khách sạn và trồng cây cao su và các loại cây khác. Tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này vào ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	102.213.202	102.937.206
Từ 1 đến 5 năm	451.524.748	456.835.315
Trên 5 năm	12.003.118.939	9.225.640.605
TỔNG CỘNG	12.556.856.889	9.785.413.126

Tập đoàn là bên cho thuê

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có ký các thỏa thuận cho thuê văn phòng, Trung tâm thương mại tại khu Trung tâm thương mại Hoàng Anh Gia Lai Myanmar. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	576.498.819	693.345.361
Từ 1 đến 5 năm	1.488.009.293	940.655.522
Trên 5 năm	254.355.445	72.731.616
TỔNG CỘNG	2.318.863.557	1.706.732.499

Các cam kết liên quan đến chi phí xây dựng công trình

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có các cam kết đầu tư cho việc xây dựng các dự án bất động sản và dự án thủy điện như sau:

	Ngàn VND		
	<i>Giá trị cam kết đầu tư</i>	<i>Giá trị đã ghi nhận</i>	<i>Giá trị cam kết còn lại</i>
<i>Dự án bất động sản</i>			
Dự án Myanmar	9.810.680.000	5.057.056.596	4.753.623.404
<i>Dự án thủy điện</i>			
Dự án Nậm Kống 2 và Nậm Kống 3	2.341.884.132	1.736.534.365	605.349.767
TỔNG CỘNG	12.152.564.132	6.793.590.961	5.358.973.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng Kyat Myanmar (MMK)	6.169.499.805	1.477.735.052
- KIP Lào (LAK)	5.020.225.612	1.062.267.512
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	334.712.454	100.364.068
- Đồng Bạc Thái Lan (THB)	18.418.429	10.979.106
- Đô la Mỹ (USD)	8.755.031	9.680.509
- Đồng Euro (EUR)	1.090	1.150

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Bất động sản: phát triển dự án căn hộ để bán và cho thuê;
- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác;
- Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, quản lý tài sản, và mua bán hàng hóa;
- Năng lượng: phát triển và khai thác thủy điện;
- Khoáng sản: khai thác, chế biến và bán quặng tinh chế; và
- Nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, gỗ cao su, đường, cọ dầu, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò thịt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong kỳ vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	Tổng Cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015								
<i>Doanh thu</i>								
Từ khách hàng bên ngoài	293.191.924	245.158.169	866.850.237	1.630.507.391	-	-	-	3.035.707.721
Giữa các bộ phận	-	532.756.240	126.551.342	89.349.112	-	-	(748.656.694)	
Tổng cộng	293.191.924	777.914.409	993.401.579	1.719.856.503	-	-	(748.656.694)	3.035.707.721
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>								
Kết quả của bộ phận	149.136.046	14.764.808	342.922.431	707.755.975	-	-	-	1.214.579.260
Chi phí không phân bổ								(208.135.650)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính								1.006.443.610
Thu nhập tài chính								530.465.099
Chi phí tài chính								(496.034.286)
Lợi nhuận trước thuế								1.040.874.423
Thuế TNDN hiện hành								(147.069.255)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại								19.252.556
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ								913.057.724
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015								
Tài sản và nợ phải trả								50.673.066.364
Tài sản của bộ phận	8.259.008.883	6.871.718.470	599.664.946	30.242.394.567	4.228.529.998	471.749.500	-	967.966.695
Tiền của Tập đoàn								252.299.640
Đầu tư vào công ty liên kết								(2.664.944.021)
Tài sản không phân bổ								49.228.388.678
Tổng tài sản								(39.727.264.783)
Nợ phải trả của bộ phận	(5.749.925.677)	(6.971.300.300)	(829.857.882)	(23.589.760.026)	(2.449.760.889)	(136.660.009)	-	6.764.596.387
Nợ phải trả không phân bổ								(32.962.668.396)
Tổng nợ phải trả								(32.962.668.396)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Bất động sản	Sản xuất	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Năng lượng	Khoáng sản	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016								
<i>Doanh thu</i>								
Từ khách hàng bên ngoài	662.036.622	259.378.956	350.227.234	2.385.477.725	524.486	-	-	3.657.645.023
Giữa các bộ phận	-	223.335.875	54.796.227	226.779.700	-	-	(504.911.802)	-
Tổng cộng	662.036.622	482.714.831	405.023.461	2.612.257.425	524.486	-	(504.911.802)	3.657.645.023
<i>Kết quả hoạt động kinh Doanh</i>								
Kết quả của bộ phận	109.919.053	20.289.559	60.621.684	387.291.606	524.486	-	-	578.646.388
Chi phí không phân bổ								(1.368.698.931)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính								(790.052.543)
Thu nhập tài chính								570.704.549
Chi phí tài chính								(888.408.790)
Phần lỗ trong công ty liên kết								(10.703.169)
Lỗ trước thuế								(1.118.459.953)
Thuế TNDN hiện hành								(17.715.407)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại								(55.054.194)
Lỗ sau thuế trong kỳ								(1.191.229.554)
<i>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>								
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>								
Tài sản của bộ phận	8.231.869.713	7.556.476.715	528.689.429	34.292.741.779	4.314.491.615	378.634.601	-	55.302.903.852
Tiền của Tập đoàn								1.424.306.671
Đầu tư vào công ty liên kết								254.152.580
Tài sản không phân bổ								(5.875.683.087)
Tổng tài sản								51.105.680.016
Nợ phải trả của bộ phận	(5.944.257.221)	(7.586.338.190)	(741.110.230)	(26.388.872.094)	(2.451.574.064)	(134.137.980)	-	(43.246.289.779)
Nợ phải trả không phân bổ								10.250.575.143
Tổng nợ phải trả								(32.995.714.636)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Myanmar	Thái Lan	Ngân VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.188.194.852	1.588.132.329	257.716.253	-	1.664.287	3.035.707.721
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	173.142.732	1.684.155.331	137.301.818	1.313.796.130	-	3.308.396.011
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	19.189.917.338	18.373.812.591	7.040.409.698	5.691.387.168	107.598.986	50.403.125.781
Tiền của Tập đoàn	-	-	-	-	-	967.966.695
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	252.299.640
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	(2.395.003.438)
Tổng tài sản						49.228.388.678
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
<i>Doanh thu</i>						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.084.374.931	1.220.166.991	80.292.271	165.756.068	107.054.762	3.657.645.023
<i>Chi phí hình thành TSCĐ</i>						
Tài sản cố định hữu hình	180.808.887	941.132.740	363.692.108	457.265.687	-	1.942.899.422
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	20.323.751.473	18.802.407.029	10.193.040.008	6.099.803.997	50.493.808	55.469.496.315
Tiền của Tập đoàn	-	-	-	-	-	1.424.306.671
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	254.152.580
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	(6.042.275.550)
Tổng tài sản						51.105.680.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016